

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

-----

**PHẠM VĂN TUẤN**

**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĨNH LINH,  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển  
Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**ĐÀ NẴNG – NĂM 2013**

**Công trình được hoàn thành tại**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Bảo**

**Phản biện 1: TS. Ninh Thị Thu Thủy**

**Phản biện 2: PGS. TS. Nguyễn Hữu Ngoan**

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm

Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế phát triển họp tại Đại học  
Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 12 năm 2013

***Có thể tìm hiểu luận văn tại:***

- Trung tâm thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp là ngành sản xuất truyền thống của Việt Nam từ ngàn đời nay và là lĩnh vực luôn được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt coi trọng, là nền tảng có tính chiến lược trong thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh lương thực. Cùng với sự phát triển chung của nông nghiệp cả nước, nông nghiệp huyện Vĩnh Linh đã và đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành một số vùng nông sản hàng hóa tập trung. Sản phẩm nông nghiệp đã được đa dạng hóa, năng suất, chất lượng được nâng cao và sản xuất hướng vào những sản phẩm có giá trị kinh tế, thu nhập và đời sống của nhân dân dần được cải thiện.

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì nông nghiệp của huyện vẫn còn nhiều hạn chế cần giải quyết. Vì vậy, việc phát triển bền vững nông nghiệp được coi là một yêu cầu cấp thiết tại huyện Vĩnh Linh.

Từ vấn đề cấp thiết trên, tôi chọn đề tài “**Phát triển bền vững nông nghiệp trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị**” làm đề tài luận văn thạc sĩ kinh tế chuyên ngành kinh tế phát triển của mình.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa các vấn đề lí luận về phát triển bền vững nông nghiệp.
- Phân tích và đánh giá thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp huyện Vĩnh Linh
- Đề xuất những giải pháp

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***a. Đối tượng nghiên cứu***

Là những vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến phát triển nông nghiệp huyện Vĩnh Linh theo hướng bền vững.

#### ***b. Phạm vi nghiên cứu***

– Nội dung: Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu một số nội dung về phát triển bền vững nông nghiệp trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

– Về mặt không gian: Đề tài chỉ nghiên cứu các nội dung trên địa huyện Vĩnh Linh

– Thời gian: Các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong những năm trước mắt.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp phân tích thực chứng.
- Phương pháp phân tích chuẩn tắc.
- Phương pháp so sánh, tổng hợp.
- Phương pháp thống kê, phân tích.

### **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lí luận về phát triển bền vững nông nghiệp.

Chương 2: Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp huyện Vĩnh Linh thời gian qua.

Chương 3: Giải pháp để phát triển bền vững nông nghiệp huyện Vĩnh Linh thời gian tới

## **6. Tổng quan tài liệu**

Vấn đề về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn có vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nên được Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, địa phương rất quan tâm, nhiều nhà khoa học đã có nhiều công trình nghiên cứu.

Trong những năm qua vấn đề phát triển bền vững nói chung, phát triển nông nghiệp bền vững nói riêng luôn chiếm vị trí quan trọng trong các chương trình nghị sự của Đảng và Nhà nước. Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, hàng loạt các chủ trương, đường lối, chính sách được đề ra phù hợp với tình hình, yêu cầu trong từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Các công trình khoa học nghiên cứu về phát triển bền vững nông nghiệp mặc dù có đề cập đến phát triển bền vững nông nghiệp ở nhiều góc độ khác nhau nhưng đều nói về phát triển nông nghiệp hoặc phát triển nông nghiệp bền vững nói chung, ít nghiên cứu về một vùng miền cụ thể, đặc biệt chưa có công trình nào đặt vấn đề nghiên cứu về phát triển bền vững nông nghiệp trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, đây là một đề tài độc lập, đề cập một cách đầy đủ và hệ thống hóa về phát triển bền vững nông nghiệp trên địa bàn huyện Vĩnh Linh.

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

### 1.1 TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

#### 1.1.1 Một số khái niệm

*a. Nông nghiệp:* Nông nghiệp theo nghĩa hẹp (nông nghiệp thuần túy) chỉ có ngành trồng trọt và chăn nuôi. Nông nghiệp theo nghĩa rộng, bao gồm cả ba nhóm ngành: nông nghiệp thuần túy, lâm nghiệp và ngư nghiệp..

*b. Phát triển:* Phát triển là một quá trình thay đổi theo hướng hoàn thiện về mọi mặt của nền kinh tế. Mục tiêu của sự phát triển là không ngừng cải thiện chất lượng cuộc sống vật chất, văn hóa, tinh thần của con người.

*c. Phát triển bền vững:* là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại nhưng không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai

*d. Phát triển bền vững nông nghiệp:* là quá trình phát triển theo hướng tăng lên của năng suất cây trồng, vật nuôi, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng ngày càng cao trong khi khai thác hợp lý tài nguyên thiên, không tổn hại đến môi trường nhằm thỏa mãn nhu cầu hiện tại ngày càng tăng về sản phẩm nông nghiệp, đồng thời không giảm khả năng ấy đối với các thế hệ mai sau.

#### 1.1.2 Ý nghĩa của phát triển bền vững nông nghiệp

*Một là,* phát triển bền vững nông nghiệp sẽ bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài.

*Hai là*, phát triển bền vững nông nghiệp sẽ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người cả về số lượng, chất lượng và chủng loại sản phẩm nông nghiệp

*Ba là*, phát triển bền vững nông nghiệp sẽ cung cấp các mặt hàng xuất khẩu có giá trị, tạo nguồn tích lũy ban đầu và thường xuyên cho nền kinh tế.

*Bốn là*, phát triển bền vững nông nghiệp làm tăng sức mua từ khu vực nông thôn về tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng cũng như nhu cầu dịch vụ, thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển.

*Năm là*, phát triển bền vững nông nghiệp sẽ giải quyết việc làm cho số lượng lớn lao động

*Sáu là*, phát triển bền vững nông nghiệp còn có ý nghĩa trong việc cải tạo và bảo vệ môi trường tự nhiên.

## **1.2 NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP**

### **1.2.1 Nội dung của phát triển bền vững nông nghiệp**

#### ***a. Phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế***

Phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế là sự tăng trưởng quy mô của nền sản xuất nông nghiệp trên cơ sở sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm gia tăng kết quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp đảm bảo sự tăng trưởng ổn định với cơ cấu hợp lý, đáp ứng được yêu cầu nâng cao đời sống của người dân, tránh cho sự suy thoái hoặc đình trệ trong tương lai, tránh để lại gánh nợ nần cho thế hệ mai sau.

Phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế bao gồm:

- ❖ ***Tăng trưởng về quy mô sản xuất***
- ❖ ***Chuyển dịch cơ cấu kinh tế***
- ❖ ***Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực***
- ❖ ***Nâng cao kết quả kinh tế của sản xuất nông nghiệp***

### ***b. Phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội***

Phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội góp phần đảm bảo chế độ dinh dưỡng, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, mọi người đều có cơ hội học hành với chất lượng ngày càng nâng lên, giảm đói nghèo và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm trong xã hội, giảm tệ nạn xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người nông dân.

Phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội gồm:

- ❖ ***Giải quyết việc làm***
- ❖ ***Thực hiện công bằng xã hội***
- ❖ ***Tăng thu nhập***
- ❖ ***Xóa đói, giảm nghèo***

### ***c. Phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường***

Phát triển bền vững về môi trường là khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, không hủy hoại nguồn tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cân bằng hệ sinh thái, hạn chế dịch bệnh, không gây ô nhiễm môi trường nhằm thỏa mãn nhu cầu của thế hệ hiện nay và các thế hệ mai sau.

Phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường gồm:

- ❖ ***Bảo vệ môi trường sinh thái***
- ❖ ***Bảo vệ đất***
- ❖ ***Bảo vệ nguồn nước***

#### **1.2.2 Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững nông nghiệp**

- *Thứ nhất, phải dựa vào mức độ phát triển kinh tế của nền nông nghiệp đó..*
- *Thứ hai, phải dựa vào sự tiến bộ và công bằng xã hội.*
- *Thứ ba, dựa vào mức độ khai thác, hiệu quả sử dụng các tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái.*



## **1.3 CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP**

### **1.3.1. Nhóm nhân tố về điều kiện tự nhiên**

Nhân tố thuộc về điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, địa hình, thời tiết, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, rừng)... ảnh hưởng lớn đến phát triển nông nghiệp.

### **1.3.2. Nhóm nhân tố về kinh tế**

#### ***a. Tình hình phát triển kinh tế***

Tình hình phát triển kinh tế trong những năm vừa qua với tốc độ nhanh hay chậm, ổn định hay không ổn định ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế nói chung, nông nghiệp nói riêng trong những năm đến.

#### ***b. Cơ cấu kinh tế***

Tính bền vững của quá trình tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào khả năng chuyển dịch cơ cấu ngành linh hoạt, phù hợp với việc khai thác được các tiềm năng và lợi thế tương đối cũng như các điều kiện bên trong và bên ngoài của nền kinh tế.

#### ***c. Hệ thống cơ sở hạ tầng***

Đối với nông nghiệp, hệ thống cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống điện, chợ, thông tin liên lạc, hệ thống công trình giáo dục và y tế... là điều kiện tiên quyết để phát triển nông nghiệp

#### ***d. Chính sách phát triển nông nghiệp***

Chính sách có vai trò hết sức quan trọng và là nhân tố không thể thiếu được trong sự phát triển bền vững nông nghiệp

### **1.3.3. Nhóm nhân tố về xã hội**

Nhóm nhân tố về xã hội bao gồm các nhóm sau: Quy mô dân số, mật độ dân số, cấu trúc dân tộc, trình độ văn hóa của lao động nông

nghiệp, tập quán xã hội, truyền thống văn hóa... ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững nông nghiệp.

***a. Dân số, dân tộc, lao động, tập quán xã hội***

Quy mô dân số ảnh hưởng đến cầu của thị trường về sản phẩm nông nghiệp. Cấu trúc dân tộc, trình độ văn hóa, tập quán xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển nông nghiệp. Trình độ văn hóa ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp thu cái mới, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp để tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp với chất lượng cao hơn.

***b. Truyền thống văn hóa***

Truyền thống văn hóa ảnh hưởng đến phát triển bền vững nông nghiệp. Xã hội nào có hàm lượng văn hóa trong các lĩnh vực của đời sống con người ngày càng cao bao nhiêu thì khả năng phát triển kinh tế - xã hội càng bền vững bấy nhiêu.

**1.4 KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP**

**1.4.1 Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp bền vững ở một số nước châu Á**

***a. Kinh nghiệm của Thái Lan***

***b. Kinh nghiệm của Nhật Bản***

**1.4.2 Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp bền vững của một số địa phương**

***a. Kinh nghiệm của huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi***

***b. Kinh nghiệm của Đà Nẵng***

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN VĨNH LINH THỜI GIAN QUA

#### 2.1 TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA HUYỆN ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

##### 2.1.1 Đặc điểm tự nhiên ảnh hưởng đến việc phát triển bền vững nông nghiệp

###### *a. Vị trí địa lí*

Vĩnh Linh nằm ở phía Bắc tỉnh Quảng Trị, cách trung tâm thành phố Đông Hà khoảng 25km. Huyện có 2 thị trấn: Hồ Xá, Bến Quan và 19 xã.

###### *b. Địa hình*

Do cấu tạo của dãy Trường Sơn, địa hình huyện Vĩnh Linh thấp dần từ Tây sang Đông và chia thành 3 dạng địa hình: *Địa hình ven biển, Địa hình gò đồi, núi thấp, Địa hình đồng bằng*

###### *c. Thời tiết, khí hậu*

Vĩnh Linh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nền nhiệt độ cao, chế độ ánh sáng và mưa, ẩm dồi dào, tổng tích ôn cao... là những thuận lợi cơ bản cho phát triển các loại cây trồng nông, lâm nghiệp.

###### *d. Tài nguyên thiên nhiên*

– *Tài nguyên đất*: Trong 51.359,68 ha đất có khả năng sản xuất nông nghiệp có 8.200 ha gò đồi là đất sa phiến, 5.300 ha gò đồi là đất đỏ bazan và 4.200 ha là đất cát.

– *Tài nguyên nước*: Trên địa bàn có hệ thống sông chính chảy qua là hệ thống sông Bến Hải lưu lượng trung bình năm 43,4 m<sup>3</sup>/s.

Ngoài ra còn có hệ thống suối, khe, mương, ao hồ tạo nên nguồn nước ngọt dồi dào phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt.

– *Tài nguyên rừng*: Huyện Vĩnh Linh có tài nguyên rừng phong phú, tổng diện tích đất có rừng của huyện hơn 30 ngàn ha, trong đó trên 50% diện tích là rừng trồng.

### **2.1.2 Đặc điểm kinh tế ảnh hưởng đến việc phát triển bền vững nông nghiệp**

#### ***a. Tình hình phát triển kinh tế***

Giá trị sản xuất năm 2012 đạt 1.451,590 tỉ đồng gấp 1,72 lần so với năm 2008. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân là 12,28%. Trong đó, ngành thương mại dịch vụ tăng nhanh nhất với tốc độ tăng trưởng bình quân là 19,80%/năm từ 238,200 tỉ đồng năm 2008 đến năm 2012 là 587,697 tỉ đồng. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp – xây dựng tăng qua các năm với tốc độ tăng trưởng bình quân là 15,75%/năm, từ 195,100 tỉ đồng năm 2008 đến năm 2012 là 357,527 tỉ đồng. Giá trị sản xuất của ngành nông-lâm-thủy sản vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân ở mức 4,30%/năm, từ 410,266 tỉ đồng năm 2008 tăng lên 506,366 vào năm 2012.

#### ***b. Cơ cấu kinh tế***

Tỉ trọng sản xuất ngành nông – lâm – thủy sản có xu hướng giảm dần từ 48,63% năm 2008 giảm xuống 34,88% năm 2012. Tỉ trọng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp – xây dựng từ 23,13% năm 2008 đến năm 2012 là 24,63%. Tỉ trọng ngành thương mại – dịch vụ từ 28,24% năm 2008 đã tăng lên 40,49% năm 2012.

#### ***c. Hệ thống cơ sở hạ tầng***

Trong những năm gần đây, huyện Vĩnh Linh chú trọng đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng. Đến nay, hệ thống cơ sở hạ tầng của huyện được cải thiện đáng kể, nhất là hệ thống giao

thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống điện, chợ, siêu thị, thông tin liên lạc...

### **2.1.3 Đặc điểm xã hội ảnh hưởng đến việc phát triển bền vững nông nghiệp**

#### ***a. Dân số và mật độ dân số***

Vĩnh Linh có dân số khá đông năm 2012 là 85.462 người trong đó có 2.175 người dân tộc Vân Kiều, toàn huyện có 20.323 hộ, 22 xã, thị trấn, 191 làng, bản, khóm, phố. Mật độ dân số trung bình là 138 người/km<sup>2</sup> tuy nhiên dân cư phân bố không đồng đều giữa các vùng trong huyện. Trong cơ cấu dân số của huyện nam chiếm 49,97%, nữ chiếm 50,03% và cơ cấu này ít thay đổi qua các năm.

#### ***b. Lao động và việc làm***

Bảng 22: Lực lượng lao động huyện Vĩnh Linh năm 2012

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2012</b>
Dân số trung bình	85.462
Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động	44.376
Số lao động được giải quyết việc làm	1.175
Số người đang làm việc	35.827
Số người đang làm việc trong ngành nông-lâm-thủy sản	22.716
Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm)	18,2

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện Vĩnh Linh*

Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động đông với 44.376 người năm 2012, chiếm 51,92% tổng dân số của toàn huyện. Thu nhập bình quân 18,2 triệu đồng/người/năm thu nhập cơ bản đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của người dân.

## 2.2 THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN VĨNH LINH TRONG THỜI GIAN QUA

### 2.2.1 Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp về mặt kinh tế

#### a. Tình hình tăng trưởng trong ngành nông nghiệp

Bảng 2.3: Giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp huyện

Vĩnh Linh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Giá trị sản xuất					Tăng trưởng bình quân (%)
	2008	2009	2010	2011	2012	
<b>Nông-lâm-thủy sản</b>	<b>410,266</b>	<b>418,161</b>	<b>446,490</b>	<b>476,222</b>	<b>506,366</b>	<b>4.30%</b>
<i>Trong đó</i>						
Nông nghiệp	305,323	302,013	305,475	314,389	328,988	2.00%
Lâm nghiệp	27,568	31,657	44,713	41,307	44,884	8,66%
Thủy sản	77,375	84,491	96,050	120,526	132,494	9,93%

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Vĩnh Linh

Tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp toàn huyện năm 2008 là 305,323 tỉ đồng và tăng đều qua các năm, đến năm 2012 là 328,988 tỉ đồng. Trong đó giá trị sản xuất của trồng trọt đóng vai trò chủ đạo chiếm hơn 50% giá trị sản xuất của toàn ngành.

### ***b. Tình hình sử dụng nguồn lực***

#### ***❖ Tình hình sử dụng đất nông nghiệp***

Diện tích đất nông nghiệp ngày càng tăng lên năm 2008 là 48.581,65 ha đến năm 2012 là 51.359,68 ha.. Đất chưa sử dụng ngày càng giảm năm 2012 chỉ còn 5,28% trong tổng diện tích đất tự nhiên. Đây là tín hiệu tốt trong việc sử dụng đất phát triển kinh tế của huyện.

#### ***❖ Tình hình sử dụng lao động***

Công tác đào tạo cho lao động nông thôn còn nhiều hạn chế, chất lượng thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, tỉ lệ lao động trong nông nghiệp qua đào tạo đạt thấp (chỉ chiếm 26,2%). Việc sử dụng cơ sở vật chất cho công tác đào tạo ở cơ sở còn lãng phí.

#### ***❖ Tình hình sử dụng vốn***

Nguồn vốn cho vay sản xuất nông nghiệp gần 70 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,16% tổng vốn đầu tư cho kinh tế toàn huyện. Từ nguồn vốn này đã có hàng trăm hộ nông dân có điều kiện để phát triển sản xuất, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống, góp phần tích cực vào thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

### ***c. Kết quả của sản xuất nông nghiệp***

Toàn huyện hiện có gần 7.000 ha cao su, trong đó có gần 4.500 ha đã cho khai thác mù, 6.800 ha lúa, 840 ha hồ tiêu, 2000 ha lạc hơn.

Sản lượng khai thác gỗ năm 2012 34.366 m<sup>3</sup> gấp 6,25 lần năm 2008, chủ yếu là từ rừng trồng như bạch đàn, keo lá tràm làm nguyên liệu giấy.

Ngành nuôi trồng thủy sản cũng đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Diện tích nuôi cá nước ngọt gần 494,4 ha, sản lượng đạt 875 tấn, năng suất đạt 1,76 tấn/ha. Diện tích nuôi tôm trong năm

2012 đạt gần 260 ha. Sản lượng thu hoạch đạt 886 tấn, năng suất 3,41 tấn/ha, doanh thu 43 tỉ đồng.

## **2.2.2 Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội**

### **a. Giải quyết việc làm**

Trong những năm gần đây, lao động tham gia trong các ngành nông – lâm – thủy sản ngày càng giảm về số lượng. Tuy nhiên, hàng năm ngành nông nghiệp của huyện giải quyết một số lượng lớn lao động tại địa phương.

### **b. Thực hiện công bằng xã hội**

#### **❖ Về y tế**

Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm của chính quyền địa phương nên mức độ thụ hưởng dịch vụ y tế của nhân dân huyện Vĩnh Linh ngày càng tăng về chất lượng và số lượng.

#### **❖ Về giáo dục**

Mạng lưới trường lớp ở Vĩnh Linh được phát triển rộng khắp trên toàn huyện, các loại trường lớp ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trên địa bàn. Chất lượng giáo dục toàn diện không ngừng được tăng lên hàng năm. Một số mô hình mới được triển khai có hiệu quả: ứng dụng mô hình rộng rãi công nghệ thông tin trong giảng dạy, thí điểm dạy học theo phân môn ở bậc tiểu học...

#### **❖ Tăng thu nhập**

Với nhiều chủ trương đúng đắn của huyện cùng với nỗ lực của nhân dân, kinh tế của huyện Vĩnh Linh trong những năm gần đây đã có sự tăng trưởng khá cao và ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, các ngành, vùng kinh tế phát triển khá toàn diện, thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 19 triệu đồng.



Bảng 2.13: Thu nhập bình quân một lao động trong nông nghiệp  
huyện Vĩnh Linh qua các năm

*Đơn vị tính: Triệu đồng/người/năm*

<b>Năm</b>	<b>Thu nhập bình quân</b>
2008	8,82
2009	13,1
2010	15,3
2011	18,2
2012	19,4

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện Vĩnh Linh*

### ***c. Xóa đói, giảm nghèo***

Việc giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người nông dân trong thời gian qua góp phần quan trọng trong việc xóa đói giảm nghèo của huyện. Hiện nay trên toàn huyện không còn hộ đói, số hộ nghèo, cận nghèo của huyện.

## **2.2.3 Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường**

### ***a. Bảo vệ môi trường sinh thái***

Công tác bảo vệ môi trường được chính quyền và nhân dân huyện Vĩnh Linh ngày càng được quan tâm. Công tác trồng rừng, thu gom rác thải... được triển khai ngày càng rộng rãi góp phần làm trong lành môi trường sinh thái của huyện.

### ***b. Bảo vệ đất***

Hiện tượng cát bay dẫn đến mất diện tích đất sản xuất, đồng thời sự hoà tan và rửa trôi muối trong cát ra làm nhiễm mặn vùng đất lân cận. Các hoạt động sản xuất làm phát sinh nhiều bụi, hoạt động nuôi trồng thuỷ sản đã làm gia tăng sự nhiễm mặn đất nông nghiệp lân cận

### ***c. Bảo vệ nguồn nước***

Nguồn nước chính để sinh hoạt là nước giếng khoan, nước giếng đào, nước máy riêng và nước khe suối. Tuy nhiên, tất cả các nguồn nước này đều bị nhiễm phèn.

## **2.3 ĐÁNH GIÁ CHUNG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN VĨNH LINH**

### **2.3.1 Những thành tựu đạt được**

Toàn huyện có diện tích gieo trồng gần 17.200ha, trong đó lúa 6.555ha, hồ tiêu 1170ha, cao su hơn 9000ha, nuôi trồng thủy sản 724ha. Tổng sản lượng thủy hải sản đạt 3.590 tấn, trong đó nuôi trồng 1.509 tấn/năm. Từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang trang trại tập trung, Vĩnh Linh đã phát triển đàn trâu 6.484 con, đàn bò 11.086 con, đàn lợn 41.557 con, đàn gia cầm 272,034 nghìn con. Bình quân thu nhập đầu người đạt 19,4 triệu đồng Hộ nghèo đến cuối năm 2012 còn lại 12,52% (năm 2005 là 25,6%). Bộ mặt nông thôn Vĩnh Linh ngày càng khởi sắc.

### **2.3.2 Những hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, ngành nông nghiệp huyện Vĩnh Linh vẫn còn những tồn tại, hạn chế, đó là: ruộng đất manh mún, quy mô sản xuất nhỏ bé, chưa tạo được sản phẩm hàng hóa với khối lượng lớn. Trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật của người dân còn thấp, kết hợp với thiếu vốn đầu tư nên sản xuất có hiệu quả chưa cao. Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp nông thôn diễn ra chậm, lực lượng lao động trong nông nghiệp còn lớn, năng suất lao động thấp.

### **2.3.3 Nguyên nhân của những hạn chế**

Vĩnh Linh là địa phương thường xuyên phải đối mặt với thiên tai như hạn hán, bão, lũ lụt...

Trình độ học vấn, trình độ đào tạo của người nông dân còn nhiều hạn chế

Sản xuất nhỏ và manh mún cùng với đất đai bị chia cắt, manh mún dẫn đến khó thực hiện cơ giới hóa, khó áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

Đầu tư cho nông nghiệp chưa thỏa đáng, tỷ lệ quá thấp

Thị trường cho nông nghiệp huyện trong thời gian qua chưa được mở rộng, còn nhiều bất hợp về giá cả, chất lượng sản phẩm, thông tin, kênh tiêu thụ...

Nhận thức của người dân về vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh, về hiệu quả kinh tế lâu dài còn thấp.

### CHƯƠNG 3

## GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN VĨNH LINH THỜI GIAN TỚI

### 3.1 CƠ SỞ CHO VIỆC ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

#### 3.1.1 Bối cảnh và tình hình

*a. Tình hình quốc tế*

*b. Bối cảnh trong nước*

*c. Sự phát triển của khoa học công nghệ*

*d. Sự biến đổi của khí hậu và thiên tai, dịch bệnh*

#### 1.1.2 Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Vĩnh Linh trong thời gian tới

*a. Mục tiêu chủ yếu*

❖ *Mục tiêu về kinh tế*

- Phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất theo giá số sánh hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 đạt 17,3 (trong đó: nông - lâm - thủy sản tăng 5,8%, công nghiệp - xây dựng tăng 20,3%, thương mại - dịch vụ tăng 24,9% ) và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 20,5% (trong đó: nông - lâm - thủy sản tăng 4,1%, công nghiệp - xây dựng tăng 21,5%, thương mại - dịch vụ tăng 25%) Tăng thu ngân sách hàng năm 18 - 20%;

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 tăng hai lần so với năm 2010 và năm 2020 tăng hai lần so với năm 2015.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

- Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm; tạo ra thương hiệu mạnh cho một số sản phẩm hàng hóa nông sản, thủy sản, sản phẩm công nghiệp. Đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng thiết yếu.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng.

❖ ***Về văn hóa, xã hội***

- Nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI). Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 2,5 - 3%;

- Giảm tốc độ gia tăng dân số tự nhiên xuống dưới 1% thời kỳ 2011 - 2020. Giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn.

- Nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo lên trên 45% vào năm 215, trong đó: đào tạo nghề khoảng 35%;

- Trẻ em đến tuổi đều được đến trường; duy trì phổ cập trung học phổ thông.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh xuống dưới 10%; 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn y tế và đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em.

- Chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần được nâng lên rõ rệt trong môi trường xã hội an toàn, lành mạnh.

❖ ***Về môi trường***

- Giảm mức độ ô nhiễm môi trường và đảm bảo môi trường trong sạch theo tiêu chuẩn Việt Nam.

- Đến năm 2020 có 100% thị trấn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp - làng nghề, khu dịch vụ du lịch có hệ thống thoát nước thải, nước mưa đạt tiêu chuẩn. Các nhà máy trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp - làng nghề phải có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn;

- Quản lý và xử lý tốt chất thải công nghiệp, chất thải y tế; đến năm 2020 phân đầu 100% rác thải được thu gom và xử lý;

- Nâng độ che phủ rừng đến năm 2015 trên 50% và đến năm 2020 là 52 - 54%.

### **3.1.2 Định hướng phát triển nông - lâm - thủy sản và kinh tế nông thôn trong thời gian tới**

+ Trồng trọt: Được xác định là ngành sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp, mặc dù tỷ trọng giảm dần nhưng vẫn chiếm phần lớn trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành.

+ Chăn nuôi: Phần đầu tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 35% vào năm 2015 và khoảng 40% vào năm 2020. Tăng cường quản lý, kiểm tra khâu giết mổ, vệ sinh.

+ Lâm nghiệp: Tiếp tục bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, rừng trồng. Chuyển đổi cây trồng hợp lý, áp dụng các biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng.

+ Khai thác thủy - hải sản: Khai thác đi đôi với bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Ổn định khai thác ven bờ, mở rộng khai thác trung bờ và xa bờ. Hàng năm đánh bắt và khai thác khoảng 2.000 – 2.500 tấn.

+ Nuôi trồng thủy - hải sản: Khai thác tốt diện tích mặt nước sản có của địa phương. Hình thành các vùng sản xuất tập trung, háng hóa lớn...

### **3.1.3 Các quan điểm có tính nguyên tắc khi xây dựng giải pháp**

Phát triển nông nghiệp phải gắn liền với nông thôn mới.

Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường phải được coi là yếu tố không thể tách rời trong quá trình phát triển nông nghiệp.

Phát triển nông nghiệp phải đáp ứng một cách công bằng về nhu cầu

Phát triển bền vững nông nghiệp là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị và phải phát huy tối đa sự tham gia của mọi người có liên quan

## 3.2 CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN VĨNH LINH

### 3.2.1 Các giải pháp để phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế

**a. *Củng cố và nâng cao năng lực kinh tế nông hộ và phát triển kinh tế trang trại:*** Nâng cao năng lực kinh tế nông hộ nhằm liên kết lại các nông hộ nhỏ mới có điều kiện áp dụng cơ giới hoá, tiếp cận được qui trình sản xuất tối ưu, thị trường nông sản và hội nhập vào các ngành hàng một cách hiệu quả đồng thời nâng cao thu nhập của nông hộ.

**b. *Phát triển các hợp tác xã:*** Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hợp tác xã, phát triển các HTX mới đa dạng trên nguyên tắc tự nguyện, trên cơ sở nhu cầu sản xuất hàng hoá của kinh tế hộ và sự hỗ trợ tích cực của nhà nước.

**c. *Phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp:*** Khuyến khích tạo điều kiện để các doanh nghiệp mở rộng qui mô sản xuất, kinh doanh; Quy hoạch để tạo mặt bằng sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp; Nâng cao trình độ nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường;.

**d. *Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản phẩm:*** Đa dạng hoá các kênh tiêu thụ, xây dựng đội ngũ công tác dự báo phát triển sản xuất và tiêu thụ, xây dựng và quảng bá thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp. Phát triển hệ thống thông tin để kịp thời nắm bắt thị trường, tăng cường dự báo thị trường giúp các chủ trang trại tiếp cận, chủ động trong sản xuất.

**e. *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông nghiệp:*** Bồi dưỡng để người lao động nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp bền vững. Đào tạo nghề cho người lao động,

đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề.

**f. Tăng cường đầu tư về cơ sở hạ tầng:** tăng cường hơn nữa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn như điện, hệ thống giao thông, trạm xá, trường học, hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước. Nâng cấp, hoàn chỉnh đường giao thông liên xã, liên thôn và nhất là giao thông nội đồng

**g. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp:** ưu tiên đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật giống cây, con vào sản xuất. Hình thành các cơ sở sản xuất giống cây, con phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương.

### 3.2.2 Giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp xã hội

**a. Thực hiện công tác giảm nghèo có hiệu quả:** cần thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho nông dân. Ngoài việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông phải phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp, phát triển công nghiệp, những ngành cần nhiều lao động, hồi phục và phát triển ngành nghề truyền thống.

**b. Nâng cao chất lượng phục vụ y tế:** củng cố mạng lưới y tế, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự cho y tế tuyến xã. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, đẩy mạnh công tác truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm, phong dịch bệnh.

**c. Tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo:** tiếp tục củng cố, ổn định mạng lưới trường lớp, từng bước đầu tư hiện đại về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học, tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát huy có hiệu quả điều



kiện cơ sở vật chất hiện có, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập, xây dựng và bồi dưỡng cán bộ nhà giáo.

### **3.2.3 Các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững về môi trường**

Từng bước phát triển nền nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ. Hạn chế đến mức tối đa việc sử dụng thuốc thú y và thuốc trừ sâu bệnh có nguồn gốc từ các chế phẩm hóa học. Áp dụng biện pháp canh tác phòng chống sâu bệnh và cỏ dại mang tính tích cực

Khai thác hợp lý hiệu quả nguồn tài nguyên đảm bảo tính kế thừa cho thế hệ tương lai gắn với bảo vệ nguồn nước, không khí nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường.

Sử dụng các phân bón, thuốc trừ sâu, bệnh, vật tư nông nghiệp phải đảm bảo hàm lượng hóa chất cho phép không gây độc hại môi trường.

Tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức của người dân, của cộng đồng trong bảo vệ môi trường

## **3.3 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **3.3.1 Kết luận**

Phát triển bền vững nông nghiệp là con đường tất yếu trong phát triển nông nghiệp của các địa phương cũng như của các quốc gia. Sau quá trình phân tích, đánh giá về nông nghiệp huyện Vĩnh Linh có thể thấy trong những năm qua nông nghiệp huyện đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được, ngành nông nghiệp huyện Vĩnh Linh vẫn còn những tồn tại, hạn chế, đó là: ruộng đất manh mún, quy mô sản xuất nhỏ bé, chưa tạo được sản phẩm hàng hóa với khối lượng lớn. Trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật của người dân còn thấp, kết hợp với thiếu vốn đầu tư nên sản xuất có

hiệu quả chưa cao. Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp nông thôn diễn ra chậm, lực lượng lao động trong nông nghiệp còn lớn, năng suất lao động thấp. Thu nhập từ nông nghiệp ngày càng giảm do chi phí đầu vào tăng cao, đời sống của nhân dân một số khu vực còn nhiều khó khăn.

Thành công của phát triển nông nghiệp sẽ là nền tảng quan trọng về kinh tế xã hội để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, cần phải coi trọng phát triển bền vững nông nghiệp là nhiệm vụ chung của nền kinh tế, là điều kiện quyết định sự thành công của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

### **3.3.2 Kiến nghị**

Trong những năm đến đây có thể phát triển bền vững nông nghiệp huyện Vĩnh Linh, chính quyền và người dân địa phương phải đồng lòng, nỗ lực phát huy những kết quả đạt được và khắc phục khó khăn thực hiện đồng bộ hóa các giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó, đặc biệt quan tâm, chú ý đến quy hoạch phát triển nông nghiệp, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Định hướng thương hiệu cho những sản phẩm chủ lực. Cần phải nhân rộng những mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả cho nông dân học tập làm theo.